

Bản án số: 113/2021/DS-PT.

Ngày: 29/9/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***T phân hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Quyết, bà Phạm Thị Minh Hiền

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B:*** Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLPT- DS ngày 19/7/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2021/QĐ-PT ngày 10/8/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 107/TB-TA ngày 19+/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2021/QĐ-PT ngày 17/9/2021 giữa:

\* *Nguyên đơn:* ông Dương Xuân H, sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 43, phố Ngô Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện TY, tỉnh B.

\* *Bị đơn:* ông Thân Văn T, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đụn 2, xã An Dương, huyện TY, tỉnh B.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đụn 2, xã An Dương, huyện TY, tỉnh B.

\* *Người kháng cáo:* Ông Dương Xuân H – là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn là ông Dương Xuân H trình bày:**

Ngày 21/7/2016, ông Thân Văn T có đến nhà ông hỏi vay tiền để làm trang trại. Sau khi hai bên thống nhất, ông đã cho ông T vay số tiền 1.055.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng vay tiền quy định các điều khoản để cùng nhau thực hiện. Trong hợp đồng vay tiền có chữ ký và chữ viết của bên vay là Thân Văn T và bên cho vay là ông Dương Xuân H. Thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 21/7/2016 cho đến ngày 21/8/2016. Trong hợp đồng vay tiền không ghi lãi suất là bao nhiêu nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi là 1,5%/ tháng của số tiền vay, thời hạn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Trong hợp đồng vay tiền ông có ghi hai loại mực có thể là do bút viết ban đầu không ra mực nên ông thay bút khác vì ông thường để nhiều bút ở trên bàn. Hợp đồng vay ngày 21/7/2016 được lập tại nhà ông và chỉ có 01 bản do ông giữ. Sau khi lập hợp đồng vay, ông đã đưa đủ số tiền vay cho ông T.

Chỉ có ông T đến hỏi vay tiền ông, mục đích vay để đầu tư trang trại là do ông T tự nói. Ông T không thế chấp tài sản gì khi vay tiền. Trong hợp đồng vay tiền có ghi là thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thân Văn T nhưng thực tế là không có vì khi đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T đang thế chấp ở ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện TY. Từ khi vay đến nay ông T cùng vợ là bà H đã không trả được tiền gốc và lãi cho ông với lý do làm ăn khó khăn.

Ngày 26/4/2019 ông đã đến công ty TNHH dịch vụ đòi nợ AZ ký hợp đồng đòi nợ song vẫn không đòi được tiền. Đến nay hợp đồng đòi nợ ông ký với công ty TNHH dịch vụ đòi nợ AZ đã quá hạn và vô hiệu. Trong hợp đồng vay có ghi là thế chấp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thân Văn T nhưng thực tế là khi vay không có giấy chứng nhận quyền sử dụng thế chấp nên đến nay ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc trong hợp đồng vay ghi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thân Văn T. Số tiền ông cho ông T vay là tài sản riêng của cá nhân ông không liên quan gì đến vợ và các con của ông.

Ông yêu cầu ông T, bà H phải trả cho ông số tiền gốc 1.055.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/ tháng của số tiền gốc từ ngày vay 21/7/2016 cho đến khi kết thúc vụ án. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi là 926.290.000 đồng.

**Bị đơn là ông Thân Văn T trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên ông đã nhiều lần vay tiền của ông Hoàn để đảo sổ ngân hàng, từng lần cụ thể ông không nhớ, tuy nhiên ông đều trả tiền cho ông Hoàn chỉ sau vài ngày vay, không còn bất cứ khoản nợ nào đến hạn tại.

Về bản gốc hợp đồng vay tiền đề ngày 21/7/2016 do ông Dương Xuân Hoàn cung cấp cho Tòa án: ông xác nhận chữ ký và chữ viết tại trang 3 của hợp đồng đúng là chữ ký và chữ viết của ông, tuy nhiên đối với trang số 01 và trang số 02 của hợp đồng ông cho rằng đã có sự sửa chữa, cắt ghép không còn đúng nguyên bản, màu mực cũng khác nhau. Trong các lần vay tiền của ông H, ông H đều bắt ông ký xác nhận vào các trang của giấy vay tiền nhưng tại hợp đồng vay tiền ngày 21/7/2016 không có chữ ký của ông vào trang 1, trang 2 của hợp đồng chỉ có chữ ký của ông tại trang 3 nên ông không đồng ý trả ông H số tiền mà ông H hiện đang khởi kiện. Ông H đã ghép bản khác và tự viết tên của ông vay số tiền là 1.055.000.000 đồng và toàn bộ chữ viết tại trang 1, trang 2 của hợp đồng vay tiền ngày 21/7/2016 đều là chữ viết của ông H chứ không có chữ ký và chữ viết của ông.

Năm 2019, ông H đã thuê công ty AZ về để đòi nợ ông. Khi Công ty AZ đến làm việc, ông có yêu cầu công ty cho xem bản gốc hợp đồng vay gốc thì không thấy công ty quay trở lại. Ông không đồng ý trả tiền cho ông H. Vợ ông là bà Nguyễn Thị H không liên quan gì đến việc vay mượn tiền của ông và ông H.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Gia đình bà có vay tiền của ngân hàng, mỗi lần vay tiền ngân hàng thì bà đều ký vào sổ vay vốn. Đối với các lần vay để đảo sổ ngân hàng thì chồng bà là ông T đi vay tiền còn vay tiền của ai thì bà không biết. Vì vậy ông H khởi kiện bà trả tiền thì bà không biết. Bà có hỏi ông T thì ông T nói là vay hộ bạn bè, anh em chứ không phải vay đảo sổ ngân hàng của gia đình. Ông T nói là đã trả cho ông H hết số tiền đã vay. Tại phiên tòa bà H vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2020 bà Nguyễn Thị Bích Thuận trình bày: Hợp đồng vay tiền ngày 21/7/2016 giữa ông Thân Văn T và ông Dương Xuân H với số tiền vay là 1.055.000.000 đồng là số tiền làm ăn riêng của chồng bà ông Dương Xuân H không liên quan gì đến bà. Bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án từ đầu cho đến khi kết thúc vụ án.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện TY đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H đối với ông Thân Văn T về việc yêu cầu ông Thân Văn T, bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay gốc 1.055.000.000 đồng và tiền lãi là 926.290.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 1.981.290.000 đồng.

2. Về án phí: ông Dương Xuân H phải chịu 71.438.700 đồng phí dân sự sơ thẩm.

Được trừ vào số tiền 33.693.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000024 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY. Ông H còn phải nộp 37.745.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2021, ông Dương Xuân H nộp đơn kháng cáo tại Tòa án nhân dân huyện TY, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Ông Dương Xuân H là nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo trình bày: Ngày 21/7/2016, ông và ông T ký hợp đồng vay tiền với tổng số tiền 1.055.000.000 đồng. Ông đã giao đủ cho ông T số tiền 1.055.000.000 đồng ngay sau khi viết xong hợp đồng, không có ai làm chứng, không lập biên bản giao nhận tiền. Do lần đầu làm hợp đồng vay có nhiều nội dung không phù hợp. Hợp đồng là mẫu đánh sẵn, ông tự viết tay các nội dung còn trống vào hợp đồng, có sử dụng nhiều loại bút có mực khác nhau. Trong hợp đồng có một dòng ông đã xóa bằng bút xóa, nội dung là “có biên nhận tiền kèm theo”. Hợp đồng chỉ lập T 1 bản, có ba trang, ông T chỉ ký vào trang 3 của hợp đồng. Hết thời hạn vay 1 tháng, ông đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng ông T không trả. Hợp đồng trên tuy có một số lỗi về mặt hình thức nhưng không vi phạm điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Tại Tòa án sơ thẩm, ông T xác nhận số tiền nợ trong hợp đồng ghi là đúng, trình bày đã trả cho ông số tiền 1.055.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, không buộc ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông xác nhận năm 2018 có cho ông T vay tiếp khoản tiền 1.500.000.000 đồng do nể bạn bè, khoản vay này ông T đã trả hết.

\* Bị đơn là ông Thân Văn T trình bày: Ngày 21/7/2016, ông không vay của ông H số tiền 1.055.000.000 đồng như ông H trình bày. Ông đã nhiều lần vay tiền của ông H, thường chỉ vay thời gian ngắn, khi vay đều lập hợp đồng, ông có ký từng trang. Tất cả những lần vay, ông H chỉ lập duy nhất một hợp đồng và giữ luôn, không giao cho ông bản nào, số tiền vay thường thể hiện ở trang 1, trang 2 của hợp đồng. Khi trả tiền, ông H thường tự tay lấy bút gạch vào hợp đồng trước mặt ông. Do tin tưởng bạn nên ông không yêu cầu trả hợp đồng vay. Hợp đồng ngày 21/7/2016 là do ông H tự tạo, lắp ghép mà có. Năm 2018, ông có vay của ông H 1.500.000.000 đồng, đây là khoản vay duy nhất trên một tỷ đồng mà ông đã vay của ông H. Ở cấp sơ thẩm, ông nhầm lẫn với khoản vay này nên đã trình bày có vay và đã trả. Ông xác nhận không còn nợ ông H khoản tiền nào. Không có việc ông còn nợ hơn 1 tỷ đồng từ năm 2016 chưa thanh toán mà ông H lại tiếp tục cho vay 1,5 tỷ đồng năm 2018. Ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt bà H là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Dương Xuân H:

Căn cứ khởi kiện của ông Dương Xuân H là hợp đồng vay tiền đề ngày 21/7/2016 đã cung cấp cho Tòa án. Qua xem xét nội dung hợp đồng này thì thấy bên cho vay tiền là ông Dương Xuân H, sinh năm 1962 hộ khẩu thường trú: 43, phố Ngô Xá, thị trấn Cao Thượng, TY, B. Bên vay là ông Thân Văn T, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 hộ khẩu thường trú: thôn Đụn 2, xã An Dương, TY, B, số tiền vay là 1.055.000.000 đồng (bằng chữ: một tỷ không trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn), phương thức giao nhận; tiền mặt, thời hạn vay là

30 ngày đến hạn ngày 21/8/2016, lãi suất hai theo thỏa thuận, trả tiền lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngoài ra hợp đồng có nội dung về tài sản bảo đảm tiền vay, phí và lệ phí, quyền và nghĩa vụ của các bên, phương thức giải quyết tranh chấp, cam đoan của các bên và các thỏa thuận khác.

Hợp đồng trên là mẫu được đánh máy sẵn; nội dung về ngày tháng vay, họ tên, địa chỉ người vay, số tiền vay, phương thức giao nhận, tài sản bảo đảm, kỳ hạn vay, lãi suất vay, phương thức trả nợ, ngày có hiệu lực của hợp đồng đều do ông H viết thêm bằng nhiều loại bút, nhiều loại mực. Toàn bộ hợp đồng chỉ có chữ ký của ông T ở trang thứ 3, trong trang này không thể hiện số tiền vay.

Hợp đồng có nhiều điểm mâu thuẫn với lời khai của nguyên đơn: bà H không có mặt khi vay nhưng trong hợp đồng thể hiện bên vay là ông T và bà H; các bên không thỏa thuận gì về việc thế chấp tài sản nhưng trong hợp đồng lại nêu có việc thế chấp quyền sử dụng đất mang tên ông T; thời gian vay chỉ có 30 ngày nhưng hợp đồng lại thể hiện thỏa thuận trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngoài ra, trong hợp đồng có dòng chữ “có biên nhận tiền kèm theo” nhưng ông H lại tự xóa đi dòng chữ này trước khi giao nộp hợp đồng cho Tòa án; không cung cấp được biên nhận tiền kèm theo. Trong khi đó, phía bị đơn là ông T không thừa nhận đã vay ông H số tiền 1.055.000.000 đồng vào ngày 21/7/2016 và xác định không còn bất cứ khoản nợ nào đối với ông H. Ở Tòa án cấp sơ thẩm, do có quá nhiều khoản vay với ông H nên ông có khai nhầm lẫn là có vay khoản này và đã trả xong.

Mặt khác, ông H và ông T đều thừa nhận: năm 2018, ông H có cho ông T vay 1.500.000 đồng, khoản vay này ông T đã tất toán. Nếu ông T còn một khoản nợ hơn một tỷ đồng quá hạn từ năm 2016, đòi nhiều lần không trả như ông H đã trình bày thì việc ông H tiếp tục cho ông T vay khoản tiền lớn là 1.500.000.000 đồng vào năm 2018 là không phù hợp.

Từ những đánh giá trên, không đủ căn cứ xác định ông T vay ông H số tiền 1.055.000.000 đồng vào ngày 21/7/2016 đến nay chưa trả. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ và đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Dương Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0000324 ngày 23/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND huyện TY;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Quyết**

**Phạm Thị Minh Hiền**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Quyết**

**Phạm Thị Minh Hiền**

**Nguyễn Thị Hương Giang**



